

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2026/HNGĐ-ST

Ngày 29/6/2026.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Trực.

2. Ông Võ Văn Phú.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Hồng Phong – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11- Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Ông Phan Quốc Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 123/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026; về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2026/HNGĐ-QĐ ngày 11/6/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Bích G** - sinh năm: 2003.

CCCD: 060303005234, do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/08/2021. Địa chỉ: **Thôn B, xã H, tỉnh Lâm Đồng**.

Bị đơn: Ông **Trần Tuấn H** – sinh năm: 2003.

CCCD: 060203011002, do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/12/2021. Địa chỉ: **thôn B, xã H, tỉnh Lâm Đồng**.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Lê Thị Bích G trình bày:

Bà và ông **Trần Tuấn H** quen biết yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại **UBND xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Nay là: xã H, tỉnh Lâm Đồng)** vào ngày 12/12/2023. Bà và ông **Trần Tuấn H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà mẹ chồng tôi tại **thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Nay là: xã H, tỉnh Lâm Đồng)**. Thời gian đầu kết hôn cuộc sống hôn nhân vợ chồng hạnh phúc, tuy có mâu thuẫn nhưng vợ chồng vẫn có thể hàn gắn bỏ qua cho nhau. Thời gian chung sống với nhau được 2 năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm **H**, nguyên nhân do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau. Nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Cảm thấy không thể nào chung sống được với ông **Trần Tuấn H**. Không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nên bà xin ly hôn với ông **Trần Tuấn H**.

Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông **Trần Tuấn H**.

Về con chung: Bà và ông **Trần Tuấn H** có 01 con chung tên **Trần Khải Đ**— 07/5/2023. Hiện con chung đang sống với ông **Trần Tuấn H**. Nguyên vọng của bà sau ly hôn, bà đồng ý giao 01 con chung chưa thành niên tên **Trần Khải Đ**— 07/5/2023 cho ông **Trần Tuấn H** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, Nợ chung: Tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Tuấn H vắng mặt tại phiên tòa, Tại bản tự khai ông H trình bày:

Về hôn nhân: ông và bà **Lê Thị Bích G** là vợ chồng đăng ký kết hôn tại **UBND xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Nay là: xã H, tỉnh Lâm Đồng)** vào ngày 12/12/2023. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian, nhưng sau này trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn về tình cảm không thể hòa giải. Đối với yêu cầu ly hôn của bà **Lê Thị Bích G** ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông và bà **Lê Thị Bích G** thời gian sống chung có có 01 con chung tên **Trần Khải Đ**— 07/5/2023. Sau khi ly hôn, ông có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung chưa thành niên tên **Trần Khải Đ**— 07/5/2023. Ông không yêu cầu bà **Lê Thị Bích G** cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự, bị đơn không tuân thủ đúng và đầy đủ theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Qua lời khai của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị Bích G**. Bà **Lê Thị Bích G** được ly hôn với ông **Trần Tuấn H**. Con chung: giao 01 con chung chưa thành niên tên **Trần Khải Đ** – 07/5/2023 cho ông **Trần Tuấn H** nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà **Lê Thị Bích G** không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét nữa. Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật; Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn khởi kiện của bà **Lê Thị Bích G** được gửi trực tiếp đến Tòa án, có hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Bà **Lê Thị Bích G** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông **Trần Tuấn H**. Người bị kiện là ông **Trần Tuấn H** có địa chỉ tại **thôn B, xã H, tỉnh Lâm Đồng**. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Lâm Đồng đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn ông **Trần Tuấn H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **Trần Tuấn H** là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của bà **Lê Thị Bích G**, Hội đồng xét xử xét thấy: bà **Lê Thị Bích G** và ông **Trần Tuấn H** có quen biết, yêu thương và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2023 tại **UBND xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Nay là: xã H, tỉnh Lâm Đồng)**. Mâu thuẫn giữa ông bà nảy sinh theo như bà **G** trình bày là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi vã to tiếng với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và hai người đã không còn sống chung. Ông **Trần Tuấn H** cũng thừa nhận tình trạng hôn nhân vợ chồng nhiều mâu thuẫn, không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông **H** đồng ý ly hôn với bà **G**.

Xem xét tình trạng hôn nhân giữa bà **Lê Thị Bích G** và ông **Trần Tuấn H**. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa bà **G** và ông **H** đã xảy ra mặc dù hai bên đã

tìm nhiều cách hòa giải hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả và thực tế hiện nay, ông bà đã không còn tin tưởng, tôn trọng nhau. Quá trình giải quyết, ông **Trần Tuấn H** không đồng ý lên Tòa chứng tỏ ông bà không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc, mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân giữa ông bà đã thật sự đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Lê Thị Bích G** là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Thời gian sống chung ông bà có 01 con chung tên **Trần Khải Đ**– 07/5/2023. Nguyên vọng sau ly hôn bà **G** có nguyện vọng được giao quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung tên **Trần Khải Đ**– 07/5/2023 cho ông **Trần Tuấn H**, bà **G** không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông **Trần Tuấn H** có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung tên **Trần Khải Đ**– 07/5/2023. Ông **H** không yêu cầu bà **G** cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện 01 con chung chưa thành niên hiện đang sống với ông **Trần Tuấn H** xét thấy, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường của các cháu, đảm bảo môi trường học tập. Xét thấy, cần tiếp tục giao 01 con chung tên **Trần Khải Đ**– 07/5/2023 chưa thành niên cho ông **H** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Bà **Lê Thị Bích G** không cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: không yêu cầu. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[7] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Ý kiến của đại diện viện kiểm sát trùng với quan điểm của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà **Lê Thị Bích G1** chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Lê Thị Bích G**. Bà **Lê Thị Bích G** được ly hôn với ông **Trần Tuấn H**.

2. Về con chung: Ông **Trần Tuấn H** được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung chưa thành niên tên **Trần Khải Đ** – 07/5/2023. Bà **Lê Thị Bích G** không cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên khác trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn có thể thực hiện theo Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: bà **Lê Thị Bích G** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà **Lê Thị Bích G2** nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0006762 ngày 15/4/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 - Lâm Đồng. Bà **Lê Thị Bích G** đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 11/6/2026. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ tại nơi cư trú.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn T

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND KV11;
- Phòng THADS KV11;
- UBND xã Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thành

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn T

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Hồng T1

